CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP

Ngày 28/06/2024	5,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-3.4%**	**-**

DT thuần
Q2/24
9.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.69| 64.9%
YoY: ▼7.02| -42.8%

LN thuần
Q2/24
20.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 20.9| 7193%
YoY: ▲ 10.1| 95.9%

LN sau thuế
Q2/24
20.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 18.9| 983%
YoY: ▲ 8.20| 65.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
230%
YoY: +/-▲ 175%

ROE (TTM)
Q2/24
-14.0%
YoY: +/-▲ 4.4%

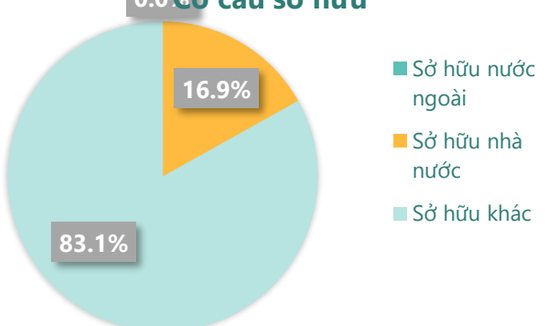
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 8,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	84
Số lượng CPLH (CP)	14,658,338
KLGD BQ 20 phiên (CP)	72,165
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.86)
EPS	-2,398
P/E	-2.4

DT thuần
6T 2024
15.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.7| -43.7%

LN thuần
6T 2024
20.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.9| 175%

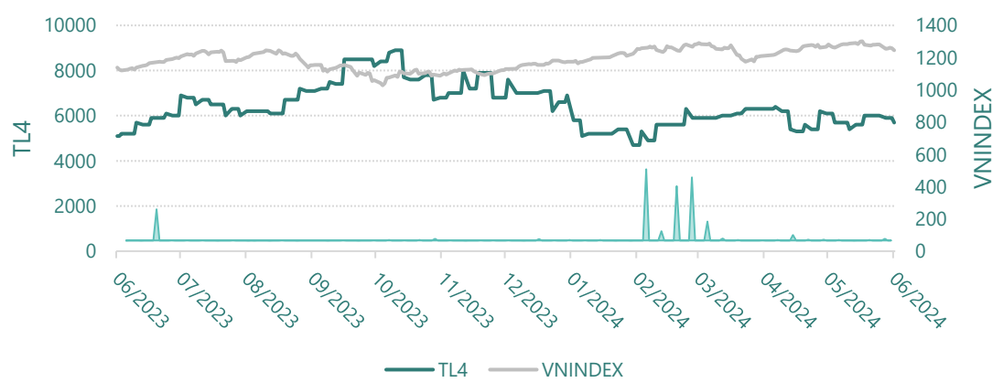
LN sau thuế
6T 2024
22.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.7| 126%

Cơ cấu sở hữu

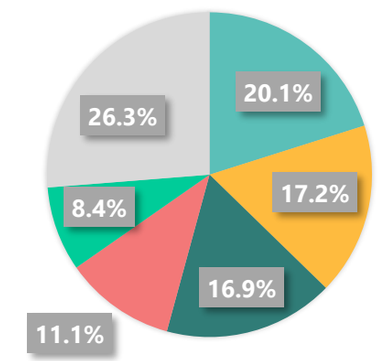


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

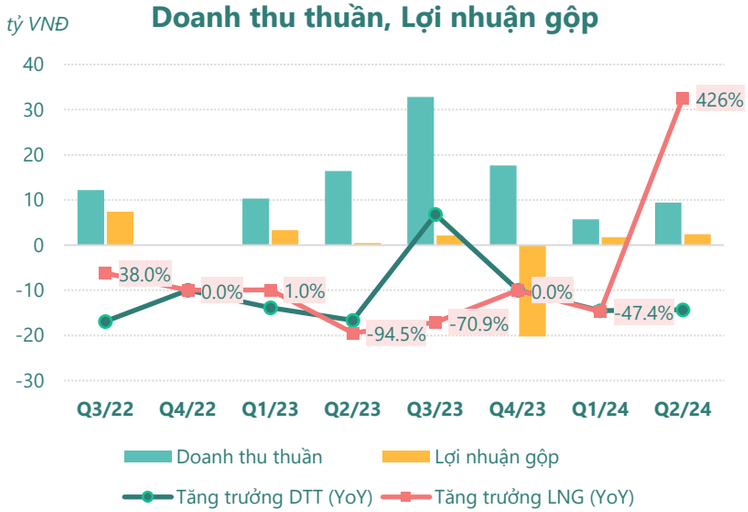


- Lâm Thanh Cường
- Phạm Xuân Trường
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
- NH Investment & Securities Co., Ltd
- Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

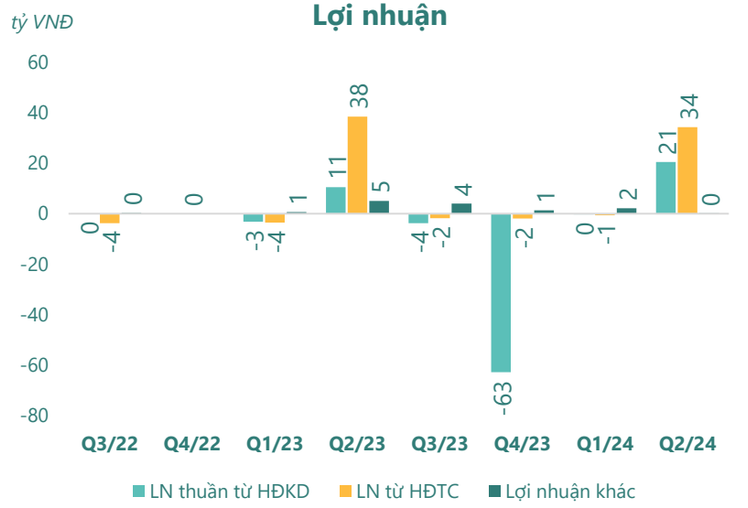
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



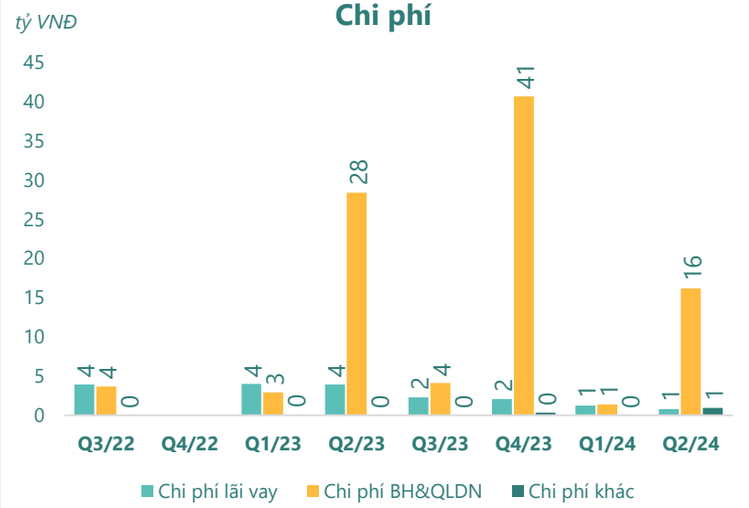
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



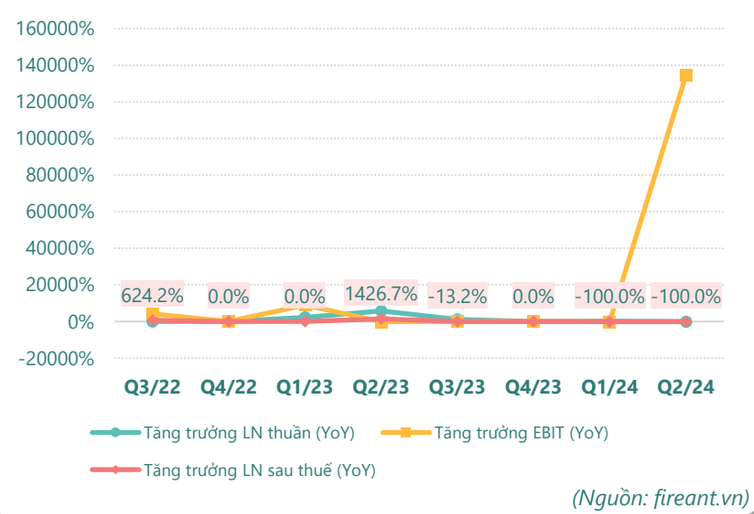
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



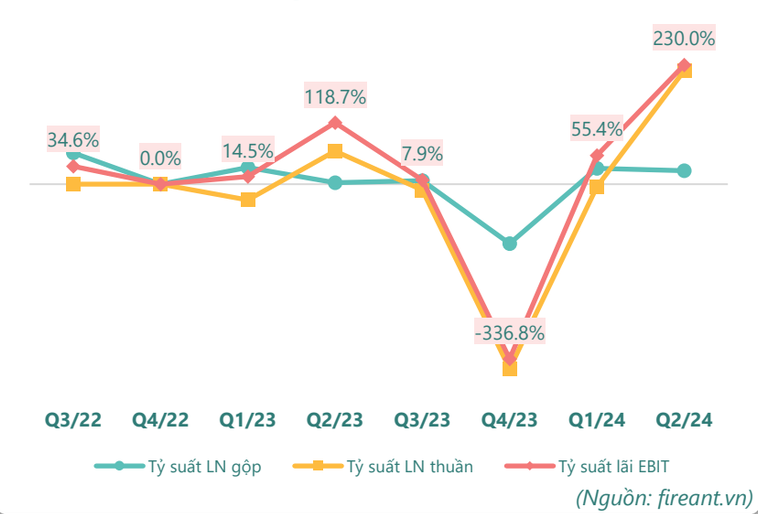
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



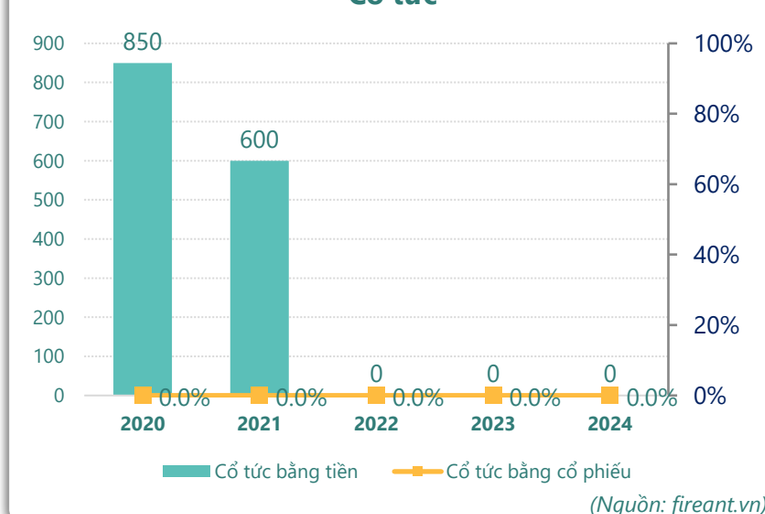
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

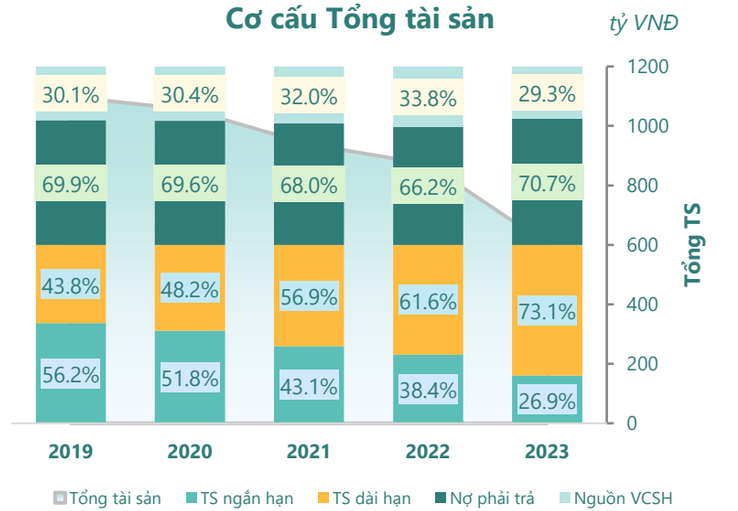
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

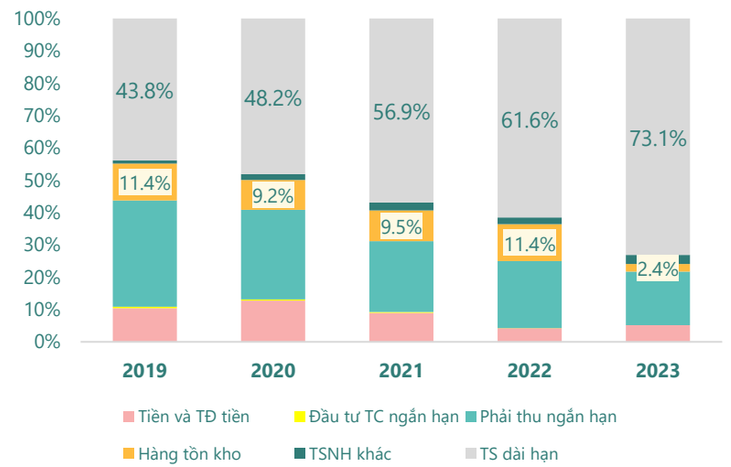
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



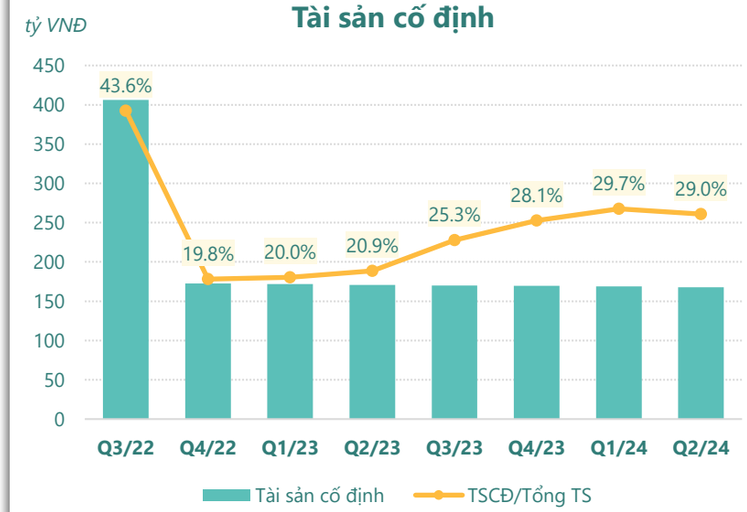
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



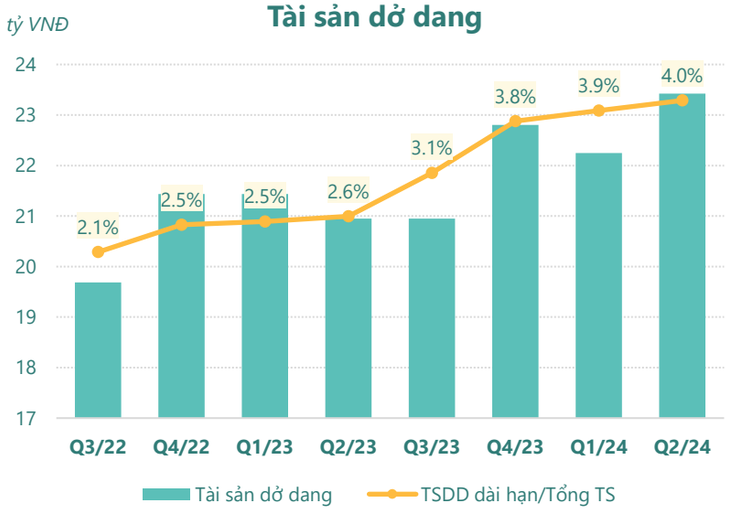
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



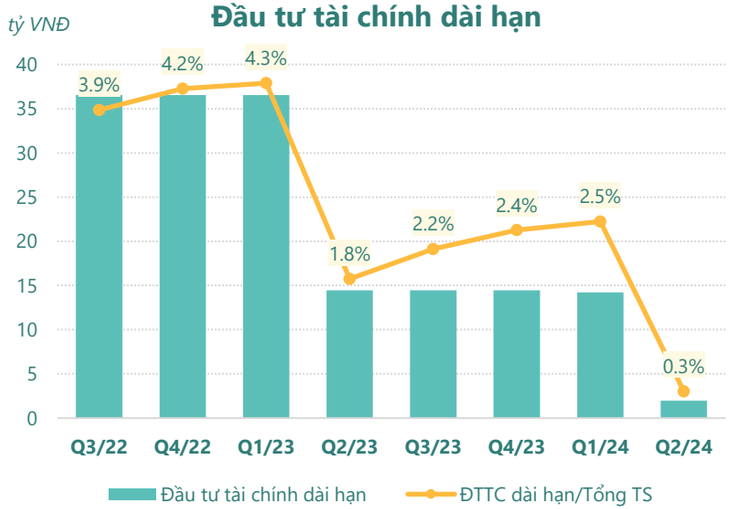
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



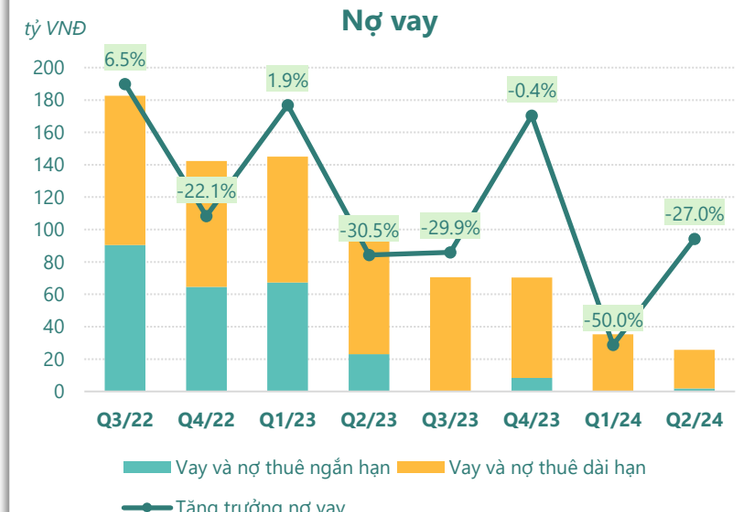
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

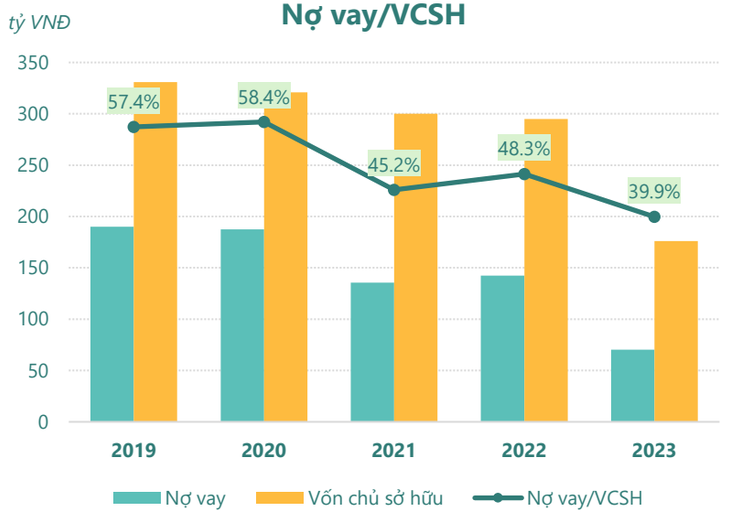
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

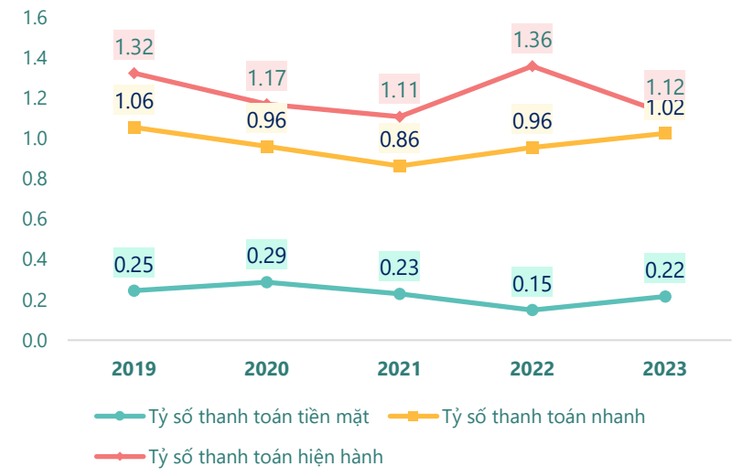
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



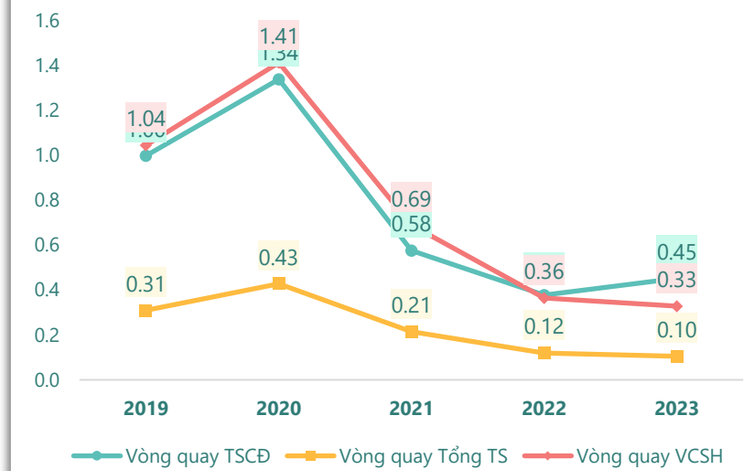
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



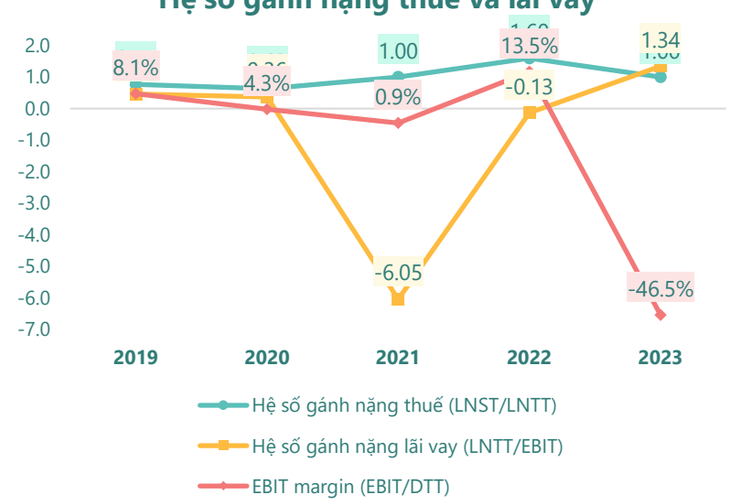
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



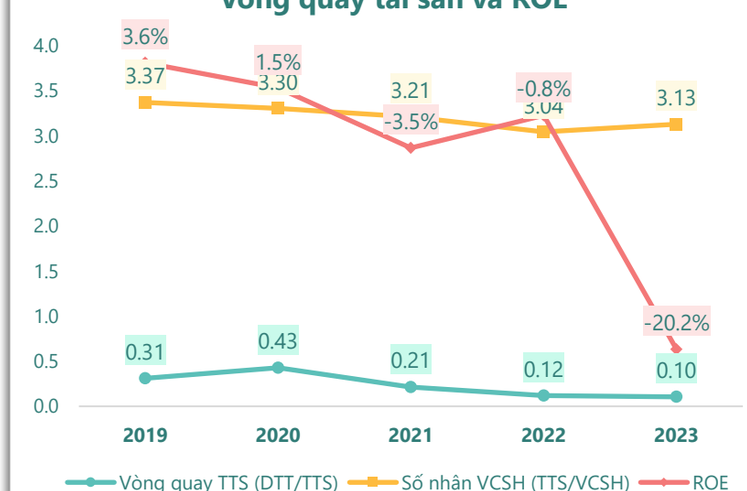
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



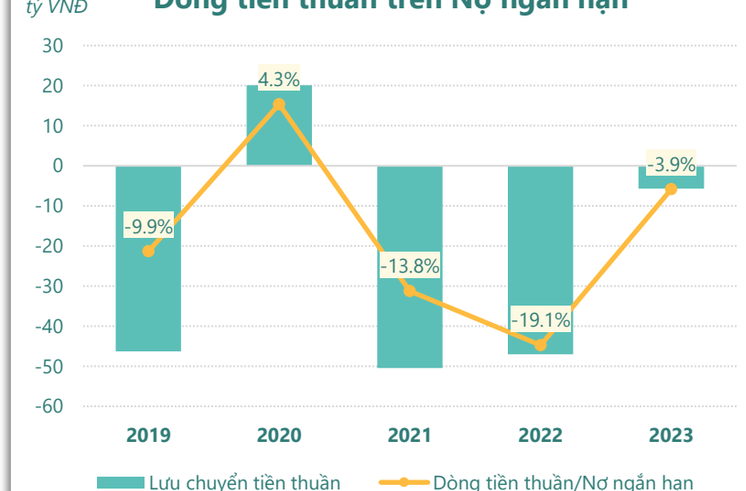
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**9.38**	**16.4**	**-42.8%**	**15.1**	**26.8**	**-43.7%**
Giá vốn hàng bán	6.97	16.0	-56.5%	10.9	23.0	-52.5%
Lợi nhuận gộp	2.42	0.46	425%	4.16	3.78	10.1%
Doanh thu HĐTC	35.2	42.4	-17.1%	35.8	42.8	-16.5%
Chi phí TC	0.83	3.93	-79.0%	2.07	7.92	-73.9%
Chi phí lãi vay	0.80	3.93	-79.7%	2.04	7.92	-74.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**16.2**	**28.4**	**-43.0%**	**17.6**	**31.3**	**-43.9%**
LN thuần từ HĐKD	20.6	10.5	95.9%	20.3	7.38	175%
Lợi nhuận khác	**0.22**	**5.04**	**-95.7%**	**2.42**	**5.71**	**-57.5%**
LN trước thuế	20.8	15.6	33.3%	22.7	13.1	73.5%
Lợi nhuận sau thuế	**20.8**	**12.6**	**65.0%**	**22.7**	**10.0**	**126%**
LNST của CĐ cty mẹ	**20.8**	**12.8**	**62.8%**	**22.8**	**10.3**	**121%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.18	1.81	-8.71	0.67	3.53	2.44
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.99	5.72	66.7	-21.0	2.85	6.93
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.69	-44.3	-30.2	-0.29	-35.1	-9.51
Tiền đầu kỳ	36.7	40.6	3.85	31.7	31.1	2.33
Lưu chuyển tiền thuần	**3.86**	**-36.8**	**27.9**	**-20.6**	**-28.7**	**-0.14**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	40.6	3.85	31.7	11.1	2.33	2.19

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**580**	**602**	**-3.7%**
Tài sản ngắn hạn	156	162	-3.6%
Tiền và tương đương tiền	2.19	31.1	-93.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.7	0	
Phải thu ngắn hạn	86.1	99.5	-13.5%
Hàng tồn kho	14.4	14.4	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	12.4	16.7	-25.5%
Tài sản dài hạn	**424**	**440**	**-3.7%**
Phải thu dài hạn	2.86	2.86	0.0%
Tài sản cố định	168	169	-0.9%
Bất động sản đầu tư	222	225	-1.4%
Tài sản dở dang	23.4	22.8	2.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.97	14.4	-86.3%
Tài sản dài hạn khác	**5.35**	**5.35**	**0.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	381	426	-10.6%
Nợ ngắn hạn	**137**	**144**	**-4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.87	8.27	-77.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	77.0	77.5	-0.6%
Nợ dài hạn	244	282	-13.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.8	62.1	-61.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**199**	**176**	**12.9%**
Vốn chủ sở hữu	**199**	**176**	**12.9%**
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)